| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐÔNG HẢI**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 73/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2018
(V/v Tranh chấp ly hôn)

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
***TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU***
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lưu Hải Đăng**
Các hội thẩm nhân dân:
**1/. Ông Nguyễn Minh Hoàng**
**2/. Ông Nguyễn Hoàng Toàn.**
Thư ký phiên tòa: **Bà Trương Hồng Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông **Lê Quốc Huy**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2018/TLST-HN ngày 22 tháng 2 năm 2018 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

**1/. Nguyên đơn: Chị Lê Kim C,** sinh năm 1984
Địa chỉ: ấp 5, thị trấn GH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

**2/. Bị đơn: Anh Trương Minh H,** sinh năm 1982
Địa chỉ: ấp 5, thị trấn GH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

*(Chị C có mặt tại phiên tòa, anh H vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2018, lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trương Minh H cưới nhau vào khoảng năm 2002, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị Lê Kim C xác định: Thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do anh H không lo làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình, đam mê cờ bạc, thậm chí có người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng anh chị ly thân khoảng hơn 02 năm qua. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được nên chị C yêu cầu được ly hôn với chồng chị là Trương Minh H.

Về quan hệ con chung: chị C xác định vợ chồng anh chị có 03 người con chung gồm: Trương Thị Bích T, sinh ngày 11/11/2003, Trương Thị Huyền Tr, sinh ngày 26/5/2005 và Trương Thị Huyền T, sinh ngày 02/4/2007. Hiện tại cả ba người con đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cả ba người con, không yêu cầu chồng chị phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị C xác định xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với anh Trương Minh H: Mặc dù anh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh H theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay chị C xác định chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H. Chị C xác định chị không còn các tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Trương Minh H chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: giữa chị C và anh H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, hiện tại chị C xác định chị không còn tình cảm với anh H. Điều này chứng tỏ như vậy cuộc sống vợ chồng của chị C và anh H nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị C được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định của pháp luật;

Về con chung: Từ lúc vợ chồng chị C và anh H ly thân với nhau thì cả ba người con tên Trương Thị Bích T, sinh ngày 11/11/2003, Trương Thị Huyền Tr, sinh ngày 26/5/2005 và Trương Thị Huyền T, sinh ngày 02/4/2007 là do chị C trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị C vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Anh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản và nợ: Chị C xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có thiếu nợ ai, cũng không ai thiếu nợ vợ chồng anh chị. Khi ly hôn chị C không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì chị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị C có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh H. Anh H có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông Hải.

Anh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh H vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2] Về nội dung vụ án: giữa chị C và anh H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2004 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh H thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống chị C và anh H lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Anh chị cũng đã ly thân khoảng hơn 02 năm qua. Trong thời gian qua cả hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tại

phiên tòa chị C vẫn cương quyết xin ly hôn với anh H, chị xác định hiện tại nếu vợ chồng quay về với nhau thì cuộc sống chung cũng không còn hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét cuộc sống vợ chồng của chị C và anh H là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh H là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Từ lúc vợ chồng chị C và anh H ly thân với nhau thì cả ba người con tên Trương Thị Bích T, sinh ngày 11/11/2003, Trương Thị Huyền Tr, sinh ngày 26/5/2005 và Trương Thị Huyền T, sinh ngày 02/4/2007 là do chị C trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị C vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này, đồng thời nguyện vọng của cả ba người con là cũng muốn được sống cùng với chị C. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cả ba người con tên Trương Thị Bích T, sinh ngày 11/11/2003, Trương Thị Huyền Tr, sinh ngày 26/5/2005 và Trương Thị Huyền T, sinh ngày 02/4/2007 chị C được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Chị C không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Nếu sau này anh H chứng minh được chị C nuôi con, nhưng không lo lắng chăm sóc tốt cho cuộc sống của con thì anh có quyền nộp đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản và nợ: chị C xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có thiếu nợ ai, cũng không ai thiếu nợ vợ chồng anh chị. Khi ly hôn chị C không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Kim C; Xử cho chị Lê Kim C được ly hôn với anh Trương Minh H.

2/.Về nuôi con chung: Giao cả ba người con tên Trương Thị Bích T, sinh ngày 11/11/2003, Trương Thị Huyền Tr, sinh ngày 26/5/2005 và Trương Thị Huyền T, sinh ngày 02/4/2007 cho chị Lê Kim C được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Anh Trương Minh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Chị Lê Kim C không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Trương Minh H.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: chị Lê Kim C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006959 ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Lê Kim C biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Anh Trương Minh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
***đã ký***

**Lưu Hải Đăng**

***Nơi nhận:***
*- TAND tỉnh BL*
*- VKSND huyện Đông Hải*
*- THA huyện Đông Hải*
*- Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào*
*- Các đương sự;*
*- Lưu HS vụ án;*